ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 121/2026/QĐ-UBND	*Ninh Bình, ngày 30 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 11090/TTr-STC ngày 15 tháng 9 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 8 Điều 27 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

1. Mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư:

a) Mức chi tổ chức họp với người có đất, chủ sở hữu tài sản trong khu vực thu hồi để phổ biến, tuyên truyền các chính sách, pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và tiếp nhận ý kiến, tổ chức vận động người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất thực hiện dự án: 200.000 đồng/người/ngày;

b) Mức chi điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất và xác định nguồn gốc đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi gồm:

Phát tờ khai, hướng dẫn người có đất, chủ sở hữu tài sản kê khai: 200.000 đồng/người/ngày;

Đo đạc xác định diện tích thực tế các thửa đất nằm trong ranh giới khu đất thu hồi để thực hiện dự án (nếu có) của từng người có đất thu hồi làm căn cứ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trong trường hợp phải đo đạc lại; kiểm kê số lượng nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất của từng chủ sở hữu tài sản; kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai với kết quả kiểm kê, xác định mức độ thiệt hại với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản cụ thể; tính toán giá trị thiệt hại về đất, nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác: 200.000 đồng/người/ngày;

c) Mức chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán, xác định mức bồi thường, hỗ trợ đến khâu phê duyệt phương án, thông báo công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 200.000 đồng/người/ngày;

d) Mức chi tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định: 200.000 đồng/người/ngày;

đ) Mức chi phục vụ việc hướng dẫn thực hiện, giải quyết những vướng mắc trong tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định: 200.000 đồng/người/ngày;

e) Mức chi thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 27 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP (nếu có): Tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng tính cao nhất theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

g) Mức chi trích đo địa chính thửa đất đối với thửa đất tại nơi chưa có bản đồ địa chính phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; chi thuê nhà làm việc, thuê và mua sắm máy móc, thiết bị để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái

định cư của đơn vị tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường và cơ quan thẩm định; chi in ấn, phô tô tài liệu văn phòng phẩm, thông tin liên lạc (bưu chính, điện thoại), xăng xe; chi phí đăng báo và phát sóng trên đài phát thanh hoặc truyền hình và các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư:

Đối với các khoản chi đã có định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo quy định hiện hành;

Đối với các khoản chi chưa có định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và chưa được quy định mức chi tại Quyết định này: Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán theo thực tế cho phù hợp với đặc điểm của từng dự án và thực tiễn của địa phương, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí ngân sách và thanh, quyết toán theo hoá đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

2. Mức chi tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất:

a) Mức chi thông báo, tuyên truyền vận động các đối tượng thực hiện quyết định cưỡng chế kiểm đếm, quyết định cưỡng chế thu hồi đất: 250.000 đồng/người/ngày;

b) Mức chi phục vụ công tác tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất: 250.000 đồng/người/ngày;

c) Mức chi phí niêm phong, phá, tháo dỡ, vận chuyển tài sản; di chuyển người bị cưỡng chế và người có liên quan ra khỏi khu đất cưỡng chế, chi thuê địa điểm, nhân công, phương tiện bảo quản tài sản và các khoản chi phí thực tế hợp pháp khác phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện bảo quản tài sản khi thực hiện cưỡng chế thu hồi đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản không thanh toán:

Mức chi phí niêm phong, phá, tháo dỡ, vận chuyển tài sản; di chuyển người bị cưỡng chế và người có liên quan ra khỏi khu đất cưỡng chế: 250.000 đồng/người/ngày;

Mức chi thuê nhân công: Tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng tính cao nhất theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

Mức chi thuê địa điểm, phương tiện bảo quản tài sản và các khoản chi phí thực tế hợp pháp khác phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện bảo quản tài sản: Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất lập dự toán theo thực tế cho phù hợp với đặc điểm của từng dự án và thực tiễn của địa phương, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí ngân sách và thanh, quyết toán theo hoá đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ;

d) Mức chi phí bảo vệ, chống tái chiếm đất sau khi tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của thửa đất cưỡng chế thu hồi đến thời điểm hoàn thành việc giải phóng mặt bằng: 250.000 đồng/người/ngày;

đ) Mức chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, y tế, phòng chống cháy nổ, các thiết bị phương tiện cần thiết khác; chi cho công tác quay phim chụp ảnh phục vụ cho việc thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất và các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất:

Đối với các khoản chi đã có định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo quy định hiện hành;

Đối với các khoản chi chưa có định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và chưa được quy định mức chi tại Quyết định này: Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán theo thực tế cho phù hợp với đặc điểm của từng dự án và thực tiễn của địa phương, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí ngân sách và thanh, quyết toán theo hoá đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

3. Chi tiền lương, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp lương theo chế độ quy định của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư liên quan đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất: thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

4. Mức chi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này áp dụng theo ngày làm việc. Trường hợp thực hiện công việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư, cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất trong thời gian nửa ngày (½ ngày) thì mức chi bằng ½ mức chi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

5. Các mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1; điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này áp dụng cho các cá nhân không hưởng lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương từ nguồn kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư, cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất của dự án.

6. Tổng kinh phí chi cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư *(chưa bao gồm kinh phí tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất)* tối đa không quá 3% tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

Riêng đối với các dự án, công trình xây dựng theo tuyến (công trình giao thông, công trình đường dây tải điện...) thì mức chi cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư *(chưa bao gồm kinh phí tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất)* tối đa không quá 4% tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

Trường hợp dự toán mức trích đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư vượt quá tỷ lệ nêu trên, UBND cấp xã có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định trước khi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư của dự án.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đã phê duyệt.

2. Đối với các dự án đang thực hiện nhưng đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì áp dụng theo quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2026.

2. Quyết định số 103/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Ninh Bình quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng băn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực V; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Giám đốc các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTrVB và Tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, VP3, VP4, VP8, VP5.

TS-VP5

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Chức